

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2023/HS-ST**
Ngày: 10-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Xà

Bà Lò Thị Thuý Hà

Bà Hà Thị Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 27/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Cà Văn T (tên gọi khác: Không) sinh năm: 05/10/1986, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cà Văn T2, sinh năm 1950; Con bà Cà Thị K, sinh năm 1952; có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1984, năm 2006 bị cáo chung sống như vợ chồng với Tòng Thị Đ, sinh năm 1983 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/2/2023, tạm giam từ ngày 14/2/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn T1 (tên gọi khác: Không) sinh năm 18/8/1989, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã H, huyện D, tỉnh Điện Biên; Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn A, sinh năm 1953; Con bà Quàng Thị E, sinh năm 1963; có vợ Lương Thị Ph, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2019) và có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án: không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bắt bị tạm giữ ngày 11/2/2023, tạm giam từ ngày 14/2/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T1:* Bà Cao Thị B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T:* Bà Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 10/2/2023 Cà Văn T trú tại Tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên gọi điện mời Quảng Văn T1 là người ở cùng tổ dân phố đến ăn cơm, sau đó T tiếp tục gọi điện cho D là người dân tộc thái sống ở bên Lào, T quen biết trước đây đặt vấn đề mua 10 túi Methamphetamine và 06 cây Heroine trao đổi xong D hẹn T khi nào tới khu vực suối C gọi điện cho D, D sẽ mang ma túy ra bán. Theo hẹn, khoảng 19 giờ cùng ngày T1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 27B1-XX đến nhà T ăn cơm, ăn xong T bảo T1 biết đường thì chở T đến khu vực suối C để T mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời, T hứa sau khi mua được ma túy sẽ trả công cho T1, T1 đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày T1 điều khiển xe máy của T1 chở T tới khu vực thuộc địa phận bản H2, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên do đoạn đường đến suối C không đi được xe máy nên T1 để xe máy ở một lán nương. T cùng T1 đi bộ khoảng 01 tiếng đồng hồ thì đến suối C giáp biên giới Việt-Lào lúc này T lấy điện thoại gọi điện cho D nhưng D không nghe máy, T đưa số điện thoại của D cho T1 bảo T1 gọi điện cho D, T1 dùng máy điện thoại của T1 gọi cho D thì D nghe máy, lúc đó T bảo T1 nói với D mang ma túy ra bán. Khoảng 30 phút sau D đi đến cùng một người con trai khoảng 15 tuổi, T hỏi D ma túy đâu thì D lấy trong người ra 01 bọc nilon màu trắng bên trong chứa 06 gói Heroine và 10 túi Methamphetamine gồm 02 túi nilon màu hồng và 08 túi nilon màu xanh đưa cho T và bảo chỗ ma túy này bán với giá 27 triệu đồng, T kiểm tra ma túy xong lấy 20 triệu đồng trả trước cho D và xin nợ lại 07 triệu đồng. Sau khi mua được ma túy T thống nhất sẽ trả công cho T1 02 túi Methamphetamine và 01 ít Heroine, thống nhất xong T đưa toàn bộ số ma túy vừa mua cho T1 cầm rồi cùng nhau đi về chỗ để xe máy, tới chỗ để xe máy T1 bảo T đi bộ trước kiểm tra đường để T1 gói lại ma túy. Sau đó T1 dùng tay trái lấy 02 cục nhỏ Heroine trong số 06 gói Heroine, T1 dùng mảnh nilon màu trắng gói 02 cục nhỏ Heroine thành 02 gói rồi cất giấu trong túi áo khoác phía bên phải đang mặc mục đích mang về sử dụng và có ai hỏi mua thì bán, số ma túy còn lại T1 dùng túi nilon màu trắng gói chung lại với nhau. Sau đó T1 điều khiển xe máy đi được khoảng 20 phút thì gặp T, T1 đưa gói nilon màu trắng chứa Heroine và Methamphetamine cho T cầm. Khoảng 04 giờ ngày 11/2/2023 T1 điều khiển xe máy chở T đến khu vực bản P, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng M1 phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng thu giữ trên người T1 là 02 gói Heroine có khối lượng 4,74 gam và thu giữ 10 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 176,51 gam và 06 cục. Heroine có tổng khối lượng 157,21 gam do T ném xuống đất.

Tại bản Kết luận giám định số 330/KL-KTHS ngày 21/2/2023, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- *Khối lượng vật chứng thu giữ của Quàng Văn T1, Cà Văn T là 161,95 gam chất bột màu trắng và 176,51 gam các viên nén màu hồng.*

- *08 mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn T1, Cà Văn T gửi giám định là chất ma túy loại Heroine*

- *10 mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vath chứng thu giữ của Quàng Văn T1, Cà Văn T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine.*

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKSDB-P1 ngày 03/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Cà Văn T, Quàng Văn T1 để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1 đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cà Văn T 20 năm tù; Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quàng Văn T1 20 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1, không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo và xem xét đến điều kiện sống và nhận thức của các bị cáo để xét xử các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung gì đối với nội dung bài bào chữa của những người bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm ngày hôm nay hai Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên đã truy tố. Lời khai nhận tội của hai Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang hồi 04 giờ 30 phút ngày 11/2/2023 đối với Cà Văn T, Quàng Văn T1; Biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng và biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, trích lấy mẫu gửi đi giám định. Hai bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1 công nhận quá trình bắt giữ, niêm phong vật chứng và mở niêm phong xác định khối lượng, hai Bị cáo đều được chứng kiến và công nhận đúng quy trình quy định của pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại đồ vật, tài liệu, biên bản khám xét tại chỗ, các biên bản nhận dạng đồ vật và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan tiến hành tố tụng thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1 như sau: Hồi 04 giờ 40 phút ngày 11/2/2023 tại khu vực bản P, xã M1, huyện M, tỉnh Điện Biên. Cà Văn T và Quàng Văn T1 đang thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 176,51 gam Methamphetamine cùng 161,95 gam Heroine mục đích để bán kiếm lời thì bị Đoàn Biên phòng M1 phối hợp với Công an huyện M phát hiện bắt quả tang. Như vậy tổng khối lượng 02 chất ma túy Cà Văn T và Quàng Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 338,46 gam.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động mua bán chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo Cà Văn T, Quàng Văn T1 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, các bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định. Hành vi mua bán trái phép 176,51 gam Methamphetamine cùng 161,95 gam Heroine của các bị cáo Cà Văn T và Quàng Văn T1 đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc pháp luật nghiêm cấm và xử phạt rất nghiêm khắc đối với các hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng vì muốn có nhiều tiền một cách nhanh chóng các bị cáo đã cố tình vi phạm, khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là 176,51 gam Methamphetamine cùng 161,95 gam Heroine

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt mỗi bị cáo 20 năm tù là có căn cứ. Tuy nhiên cũng cần phải xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

Về đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo: đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, nghề nghiệp chính của các bị cáo trước khi bị bắt là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 156,41 gam Heroine và 173,51 Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi trích mẫu vật gửi giám định theo quy định là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 điện thoại di động thu giữ của Quàng Văn T1, Cà Văn T là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc với người mua ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe máy YAMAHA màu đỏ đen, loại Sirius biển kiểm soát 27B1-XX, dung tích 110, số khung RLCS5C00, số máy 5C63-00, thu giữ của Quàng Văn T1, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi mua bán ma túy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các vấn đề khác:

Theo lời khai của các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T thì người bán ma túy tên D sống bên Lào, còn nhân thân, địa chỉ cụ thể các bị cáo không biết. ngoài ra, các bị cáo khai khi liên lạc mua ma túy D dùng số điện 0813.XXX kết quả tra cứu người đứng tên thuê bao số điện thoại này là Giàng Thị D1, sinh năm 1960 cư trú tại bản L, xã N1, huyện P, tỉnh Điện Biên, kết quả xác minh hiện Giàng Thị D1 không có mặt tại nơi cư trú nên chưa có đủ cơ sở để làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Quàng Văn T1 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/2/2023.

2.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cà Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/2/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 156,41 gam Heroine và 173,51 Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu vật gửi giám định.

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiện OPPO màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của Quàng Văn T1;

- 01 điện thoại di động loại có bàn phím bấm hiệu NOKIA màu trắng xanh đã qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T.

- 01 xe máy YAMAHA màu đỏ đen, loại Sirius biển kiểm soát 27B1-XX, dung tích 110, số khung RLCS5C630CY619931, Số máy: 5C63-619983, xe đã qua sử dụng thu giữ của Quàng Văn T1

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 03/7/2023 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Quàng Văn T1, Cà Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2023)./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Thông báo UBND xã;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh (PV06);
- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TANDTC;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Lịch